

Tổng hợp các hàm cơ bản trong Excel

<https://www.dienmayxanh.com/kinh-nghiem-hay/tong-hop-cac-ham-co-ban-trong-excel-thuong-duoc-su-1363094>

Đoàn Thị Bích Tuyền

Các hàm cơ bản trong Excel giúp bạn thực hiện các phép tính, xử lý số liệu trong quá trình học tập và làm việc.

Bài viết được thực hiện trên phần mềm Excel 2013. Bạn có thể sử dụng tương tự cho các phiên bản Excel khác như: Excel 2007, 2010, 2017, 2020 và Microsoft Excel 365.

1Hàm tính toán Logic

1. Hàm SUM

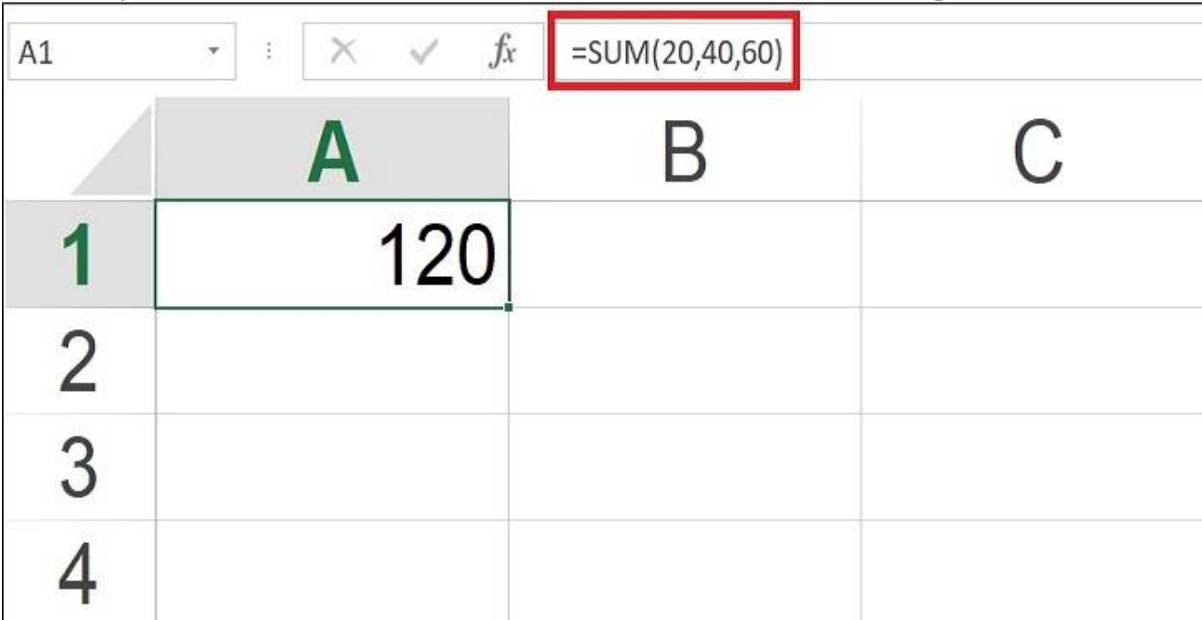
Hàm SUM dùng để tính tổng tất cả các số trong dãy ô. Nghĩa là SUM có nhiệm vụ tính tổng giá trị các số hoặc dãy số trong ô mà bạn muốn tính.

Cú pháp: =SUM(Number1,Number2,Number3)

Number1,Number2,Number3: là giá trị các số hạng cần tính tổng

Kết quả của hàm SUM là tổng các giá trị được chọn.

Ví dụ: =SUM(20,40,60) nghĩa là cộng các số hạng lại với nhau và cho ra kết quả 120.



	A	B	C
1	120		
2			
3			
4			

Ví dụ:

Tính tổng các dãy số từ A1 đến A3, =SUM(A1:A3) cho ra kết quả làm 120.

	A	B	C
1	20		
2	40		
3	60		
4	120		
5			

Formula bar: `=SUM(A1:A3)`

2. Hàm MIN/MAX

Hàm MIN/MAX dùng để tìm giá trị nhỏ nhất/lớn nhất trong một vùng dữ liệu hoặc trong cả bảng tính.

Cú pháp: `=MIN(Number1,Number2,...)`

Number1,Number2: Các giá trị cần so sánh
 Kết quả trả về giá trị nhỏ nhất trong vùng dữ liệu

Ví dụ: Giá trị nhỏ nhất trong vùng dữ liệu của ví dụ này, ta có công thức `=MIN(A2:C5)` và nhận được kết quả 25 là giá trị nhỏ nhất cần tìm.

	A	B	C	D	E
1					
2	46	54	45		
3	34	76	43		
4	25	43	33		
5	67	89	55		
6					
7	giá trị nhỏ nhất:	25			
8					

Formula bar: `=MIN(A2:C5)`

Cú pháp: `=MAX(Number1,Number2,...)`

Number1,Number2: các giá trị cần so sánh
 Kết quả trả về giá trị lớn nhất trong vùng dữ liệu

Ví dụ: Tìm giá trị lớn nhất trong vùng dữ liệu của ví dụ này, ta có công thức =MAX(A2:C5) kết quả đạt được là 89 là giá trị lớn nhất cần tìm.

	A	B	C	D	E
1					
2	46	54	45		
3	34	76	43		
4	25	43	33		
5	67	89	55		
6					
7	giá trị lớn nhất:	89			
8					

3. Hàm COUNT/COUNTA

Hàm COUNT dùng để đếm số lượng ô có chứa số trong vùng dữ liệu.

Cú pháp:=COUNT(Value1,...)

Value1,...: Tham chiếu ô hoặc phạm vi muốn đếm số

Ví dụ: Tìm số lượng mà giá trị trong ô của vùng dữ liệu là số, ta có công thức cho ví dụ này là =COUNT(A2:C5). Kết quả đạt được là tổng số lượng ô có chứa số.

	A	B	C	D	E
1					
2	46	t	45		
3	34	76	43		
4	25	t	33		
5	67	89	i		
6					
7		9			
8					

- Hàm COUNTA dùng để đếm các ô không trống trong một vùng dữ liệu nhất định.

Cú pháp:=COUNTA(Value1,...)

Value1,...: Là những ô cần đếm hoặc một vùng cần đếm. Số ô tối đa có thể đếm là 255 (với Excel từ 2007 về sau) và tối đa 30 (với Excel từ 2003 về trước)

Ví dụ: Đếm số lượng ký tự là số trong bảng bên dưới, ta có công thức =COUNTA(A2:C5). Kết quả đạt được là số lượng ô có chứa ký tự hoặc số.

	A	B	C	D	E
1					
2	46		45		
3		76	43		
4	25		33		
5	67	89			
6					
7		8			
8					

4. Hàm ODD/EVEN

- Hàm ODD là hàm trả về số được làm tròn lên số nguyên lẻ gần nhất.

Cú pháp: =ODD(Number)

Number: Bắt buộc phải có, là giá trị cần làm tròn

Ví dụ: Làm tròn số 4.6 đến số nguyên lẻ gần nhất nhận được kết quả là 5.

	B	C	D	E
	5			

- Hàm EVEN là hàm trả về số được làm tròn lên số nguyên chẵn gần nhất.

Cú pháp: =EVEN(Number)

Number: Bắt buộc phải có, là giá trị cần làm tròn

Ví dụ: Làm tròn 53.4 đến số nguyên chẵn gần nhất nhận được kết quả là 54.

B3				fx =EVEN(53.4)			
A	B	C	D				

5. Hàm AVERAGE

Hàm **AVERAGE** dùng để tính trung bình cộng của một dãy số trong trang tính.

Cú pháp: =AVERAGE(number1,number2,...)

number1 (Bắt buộc): Số thứ nhất, tham chiếu ô, hoặc phạm vi mà bạn muốn tính trung bình.
 number2,... (Tùy chọn): Các số, tham chiếu ô hoặc phạm vi bổ sung mà bạn muốn tính trung bình, tối đa là 255.

Ví dụ: Tính lương trung bình theo thông tin bên dưới, ta có công thức =AVERAGE(C3:C8) và nhận được kết quả là giá trị trung bình của 6 tháng lương.

C9		fx =AVERAGE(C3:C8)							
	A	B	C	D	E	F	G	H	
1									
2		THÁNG	LƯƠNG						
3		1	7,591,000						
4		2	6,970,000						
5		3	7,189,000						
6		4	7,295,000						
7		5	6,795,000						
8		6	7,380,000						
9		LƯƠNG TB	7,203,333						
10									
11									

6. Hàm COUNTIF

Hàm COUNTIF được dùng để đếm ô thỏa mãn điều kiện trong một vùng dữ liệu được chọn.


Cú pháp: =COUNTIF(range,criteria)

range: Vùng dữ liệu cần đếm; criteria: Điều kiện để đếm.

Ví dụ: Có bảng thống kê các mặt hàng và số lượng tồn như hình dưới.

Để thống kê xem có bao nhiêu mặt hàng còn tồn trên 150 sản phẩm, nhập công thức:
 =COUNTIF(C2:C11,">150")

Kết quả trả về cho thấy có tổng cộng 8 mặt hàng còn tồn trên 150 sản phẩm.



The screenshot shows an Excel spreadsheet with the following data:

STT	Mặt hàng	Số lượng tồn (sản phẩm)	Kho
1	Laptop	500	4
2	Điện thoại	650	3
3	Tivi	258	1
4	Tủ lạnh	264	3
5	Máy sấy	890	1
6	Máy giặt	210	2
7	Loa kéo	265	3
8	Máy lạnh	120	1
9	Máy lọc nước	157	2
10	Máy lọc không khí	90	1

The formula bar shows: `=COUNTIF(C2:C11,">150")`. The result of the formula is 8, displayed in cell G2.

7. Hàm IF

Hàm IF được dùng để kiểm tra dữ liệu có thỏa điều kiện người dùng đặt ra và trả về kết quả theo biểu thức logic đúng hoặc sai.

Cú pháp: `=IF(Logical_test;Value_if_true;Value_if_false)`

Logical_test: Điều kiện.

Value_if_true: Giá trị trả về nếu thỏa điều kiện

Value_if_false: Giá trị trả về nếu không thỏa điều kiện.

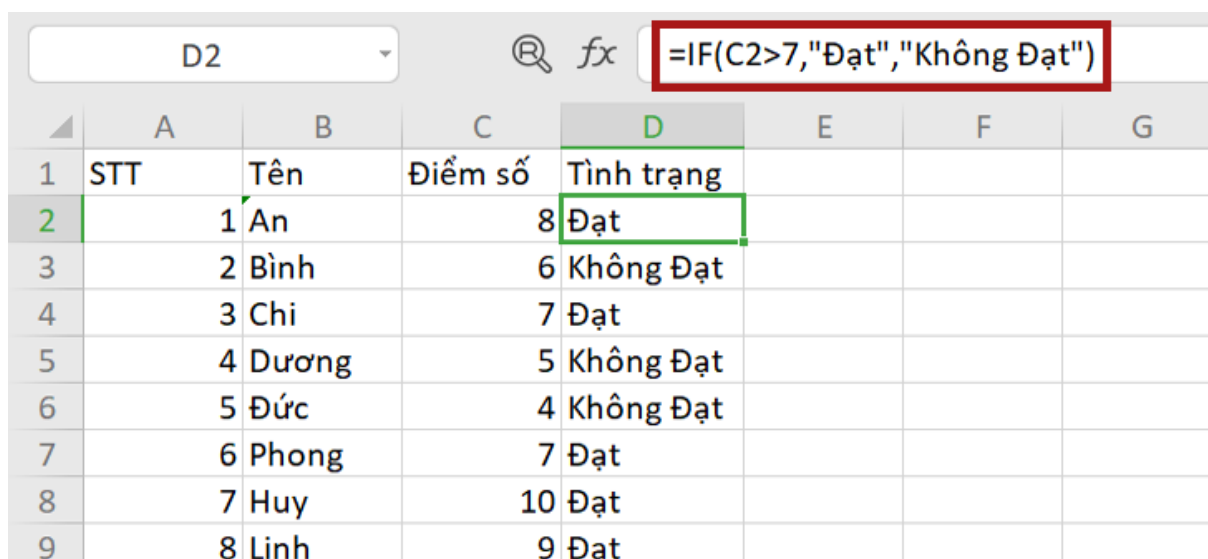
Lưu ý: Nếu bỏ trống Value_if_true và Value_if_false, nếu điều kiện thỏa thì giá trị trả về sẽ là 0 và điều kiện không thỏa thì giá trị trả về sẽ là FALSE.

Ví dụ: Xét học sinh có qua môn với điều kiện:

- Điểm số từ 7 trở lên: Đạt

- Điểm số thấp hơn 7: Không Đạt

Tại ô D2, ta có công thức: `=IF(C2>=7,"Đạt","Không Đạt")`, và được kết quả như hình bên dưới.



The screenshot shows an Excel spreadsheet with the following data:

STT	Tên	Điểm số	Tình trạng
1	An	8	Đạt
2	Bình	6	Không Đạt
3	Chi	7	Đạt
4	Dương	5	Không Đạt
5	Đức	4	Không Đạt
6	Phong	7	Đạt
7	Huy	10	Đạt
8	Linh	9	Đạt

The formula bar shows: `=IF(C2>7,"Đạt","Không Đạt")`.

8. Hàm SUMIF

Hàm SUMIF dùng để tính tổng các giá trị trong một phạm vi đáp ứng tiêu chí xác định.

Cú pháp: =SUMIF(range,criteria,[sum_range])

range: Phạm vi ô bạn muốn đánh giá theo tiêu chí

criteria: Tiêu chí ở dạng số, biểu thức, tham chiếu ô, văn bản hoặc hàm xác định sẽ cộng ở ô nào

sum_range: Các ô thực tế để cộng nếu bạn muốn cộng các ô không phải là ô đã xác định trong đối số range. Nếu đối số sum_range bị bỏ qua, Excel cộng các ô được xác định trong đối số range.

Ví dụ: Tính tổng số màu cam ở cột A có số lượng xuất hiện trong cột B, có công thức =SUMIF(A1:A8,"cam",B1:B8)

The screenshot shows an Excel spreadsheet with the following data:

	A	B	C	D	E	F	G
1	cam	4					
2	đỏ	5		màu	cam		
3	vàng	6		tổng	22		
4	cam	3					
5	cam	8					
6	đỏ	4					
7	tím	2					
8	cam	7					
9							
10	range	sum_range					

The formula bar shows the formula: =SUMIF(A1:A8,"cam",B1:B8)

9. Hàm LEFT/RIGHT/MID

- Hàm LEFT dùng để cắt chuỗi ký tự bên trái chuỗi văn bản mà người dùng chọn.

Cú pháp: =LEFT(text,[num_chars])

text: Chuỗi văn bản chứa ký tự mà bạn muốn trích xuất

num_chars: Là số lượng ký tự mà hàm LEFT trích xuất

Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm LEFT để tìm 3 ký tự đầu tiên tại ô B2. Nhập công thức =LEFT(B3,3), nhấn Enter và được kết quả như hình.

	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		Phạ	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

10- Hàm RIGHT

dùng để tách chuỗi ký tự từ bên phải trong một dãy ký tự mà người dùng chọn.

Cú pháp: =RIGHT(text,[num_chars])

text: Chuỗi văn bản chứa ký tự mà bạn muốn trích xuất

num_chars: Là số lượng ký tự mà hàm RIGHT trích xuất

Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm RIGHT để tìm 7 ký tự cuối tại ô B2. Nhập công thức =RIGHT(B3,7), nhấn Enter và được kết quả như hình.

	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		ăn Khoa	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

11- Hàm MID

trả về một số lượng ký tự cụ thể từ một chuỗi văn bản, bắt đầu từ vị trí do bạn chỉ định và dựa vào số lượng ký tự do bạn chỉ định.

Cú pháp: =MID(text, start_num, num_chars)

text: Chuỗi văn bản có chứa các ký tự muốn trích xuất.

start_num: Vị trí của ký tự thứ nhất mà bạn muốn trích xuất trong văn bản
num_chars: Bắt buộc đối với mid. Chỉ rõ số ký tự mà bạn muốn hàm MID trả về từ văn bản.
Ví dụ: Trong bảng dưới đây, dùng hàm MID để tìm 7 ký tự tại ô B2 bắt đầu từ vị trí thứ 3.
Nhập công thức =LEFT(B3,3,7), nhấn Enter và được kết quả "ạm Văn "

	A	B	C	D	E
1					
2	STT	Họ và tên			
3	1	Phạm Văn Khoa		ạm Văn	
4	2	Hà Tuấn Trung			
5	3	Lê Huy Nam			
6					

12. Hàm LEN

Hàm LEN dùng để đếm ký tự trong một chuỗi hoặc một ô chứa chuỗi ký tự và bao gồm cả khoảng trắng.

Cú pháp:=LEN(chuỗi ký tự) hoặc LEN(ô chứa chuỗi ký tự)

Ví dụ: Trong ví dụ ta thực hiện đếm ô A1 đang chứa chuỗi ký tự "Điện máy XANH"

	A	B	C	D	E
1	Điện máy XANH				
2	13				
3					
4					

13. Hàm CONCAT

Hàm CONCAT dùng để nối hai hay nhiều chuỗi văn bản thành một chuỗi văn bản.

Cú pháp:=IF(Logical_test;Value_if_true;Value_if_false)

Logical_test: Điều kiện.

Value_if_true: Giá trị trả về nếu thỏa điều kiện

Value_if_false: Giá trị trả về nếu không thỏa điều kiện.

Lưu ý: Nếu bỏ trống Value_if_true và Value_if_false, nếu điều kiện thỏa thì giá trị trả về sẽ là 0 và điều kiện không thỏa thì giá trị trả về sẽ là FALSE.

Ví dụ:

=CONCAT("Điện"," ","máy"," ","XANH"," ","Xin"," ","Cám"," ","on.") sẽ trả về "Điện máy XANH Xin Cám ơn."

14. Hàm NOW

Hàm NOW dùng để hiển thị ngày và thời gian hiện tại trên hệ thống của bạn, hoặc muốn tính toán giá trị dựa trên ngày và thời gian hiện tại và cập nhật lại mỗi khi bạn mở lại trang tính.

Cú pháp:=NOW()

Ví dụ:

=NOW() : Trả về ngày và thời gian hiện tại trên hệ thống của bạn.

=NOW()+7: Trả về ngày và thời gian 7 ngày trong tương lai

15. Hàm DATE

Hàm DATE trả về kết quả số cho ngày cụ thể.

Cú pháp:=DATE(Year,Month,Day)

Year: chỉ năm. Excel diễn giải đối số năm theo hệ thống ngày được thiết lập trên máy tính của bạn.

Month: chỉ tháng. Một số nguyên đại diện cho tháng trong năm, từ tháng 1 đến tháng 12.

Day: chỉ ngày. Một số nguyên dương ứng với ngày trong tháng.

Ví dụ: =DATE(2015,5,20) trả về kết quả ngày 20 tháng 5 năm 2015.

16. Hàm VLOOKUP

- Hàm VLOOKUP là hàm được sử dụng khi cần dò tìm dữ liệu trong một bảng, một phạm vi theo hàng dọc và trả về dữ liệu tương ứng theo hàng ngang.

Cú pháp:=VLOOKUP(Lookup_value, Table_array, Col_index_num, Range_lookup)

Lookup_value: Giá trị cần dò tìm, có thể điền giá trị trực tiếp hoặc tham chiếu tới một ô trên bảng tính.

Table_array: Bảng giới hạn để dò tìm.

Col_index_num: Số thứ tự của cột lấy dữ liệu trong bảng cần dò tìm, tính từ trái qua phải.

Range_lookup: tìm kiếm chính xác hay tìm kiếm tương đối với bảng giới hạn, nếu bỏ qua thì mặc định là 1.

Nếu Range_lookup = 1 (TRUE): dò tìm tương đối.

Nếu Range_lookup = 0 (FALSE): dò tìm chính xác.

Ví dụ: Xác định mức phụ cấp cho nhân viên. Tại ô E4, bạn điền công thức: =VLOOKUP(D4,\$H\$3:\$I\$8,2,0)

Giải thích công thức (theo thứ tự các đối số trong công thức từ trái sang):

Dấu \$ được sử dụng để cố định các dòng, các cột của bảng 2 khi bạn copy công thức sang các ô khác.

2 là số thứ tự của cột dữ liệu.

Range_lookup = 0 (FALSE) để dò tìm chính xác.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1									
2		Bảng 1						Bảng 2	
3		Mã nhân viên	Họ và tên	Chức vụ	Phụ cấp Covid 19			Bảng phụ cấp	Phụ cấp
4		A01	Nguyễn	GD	50000			GD	50000
5		B01	Lê	PGD	40000			PGD	40000
6		A02	My	TP	30000			TP	30000
7		C02	Hoàng	NV	10000			PP	20000
8		A03	Thanh	TP	30000			NV	10000
9		B02	Hạnh	PP	20000				
10		C01	Chi	NV	10000				
11		B03	Hiền	NV	10000				
12		A04	Trâm	NV	10000				
13		B06	Tùng	NV	10000				

17- Hàm INDEX

Hàm INDEX là hàm cho kết quả trả về là một giá trị hoặc tham chiếu tới một giá trị trong bảng hoặc một phạm vi nhất định.

Cú pháp: =INDEX(array, row_num, column_num)

array: Phạm vi ô hoặc một mảng số mảng. Nếu mảng chỉ chứa một hàng hoặc cột thì row_num hoặc column_num tương ứng là tùy chọn. Nếu mảng có nhiều hàng và nhiều hơn một cột mà bạn chỉ khai báo 1 trong 2 đối số row_num hoặc column_num, hàm sẽ trả về một mảng của toàn bộ hàng hoặc cột trong mảng.

row_num: Thứ tự của hàng trong mảng chứa giá trị trả về. Đây là đối số bắt buộc phải có, trừ khi bạn khai báo column_num. Nếu bỏ qua row_num, bạn cần phải khai báo column_num.

column_num: Thứ tự của cột trong mảng chứa giá trị trả về. Nếu bỏ qua column_num, bạn cần khai báo row_num.

Ví dụ: Bây giờ, giả sử bạn cần tìm giá trị của phần tử ở dòng thứ 4, cột thứ 1 trong mảng.

Mảng ở đây gồm 10 dòng và 4 cột (có địa chỉ là B4:E13). Bạn nhập công thức: =INDEX(B4:E13,4,1)

Giải thích công thức (theo thứ tự các đối số trong công thức từ trái sang):

B4:E13 là mảng chứa giá trị cần trả về.

4 là số thứ tự của hàng trong mảng chứa giá trị cần trả về.

1 là số thứ tự của cột trong mảng chứa giá trị cần trả về.

Sau khi nhập xong, bạn nhấn Enter. Kết quả trả về sẽ như hình dưới.

H2 fx =INDEX(B4:E13,4,1)

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BÀI TẬP EXCEL HÀM INDEX							
2	STT	Họ và tên	Chức vụ	Mã NV	Đơn vị phụ trách	VD1:	Hạ Huyền Chi	
3		1	2	3	4			
4	1	Đào Văn Thanh	Trưởng phòng	01DH4	SX-PX1			
5	2	Nguyễn Đạt	Phó phòng	02NH2	SX-PX2			
6	3	Lưu Thùy Vân	Nhân viên	03NH6	QL-PX1			
7	4	Hạ Huyền Chi	Nhân viên	04DH4	QL-PX2			
8	5	Vũ Thị Thúy	Nhân viên	05NH2	SX-PX3			
9	6	Trương Thành Long	Nhân viên	06DH2	SX-PX3			
10	7	Văn Hoài Tâm	Nhân viên	07DH1	SX-PX1			
11	8	Hoàng Trâm Anh	Nhân viên	08DH7	QL-PX3			
12	9	Phạm Thị Tú Linh	Nhân viên	09NH5	QL-PX4			
13	10	Đinh Hoàng Vũ	Nhân viên	10NH2	SX-PX1			

18- Hàm MATCH

Hàm MATCH là hàm tìm kiếm, xác định vị trí tương đối của một giá trị trong một mảng hoặc một ô.

Cú pháp: =MATCH(Lookup_value, Lookup_array, Match_type)

- Lookup_value: Giá trị mà bạn muốn tìm kiếm.
- Lookup_array: Mảng hoặc dải ô bạn muốn xác định vị trí của Lookup_value. Vùng dữ liệu mà bạn chọn chỉ có thể có duy nhất 1 hàng hoặc 1 cột.
- Match_type: Xác định kiểu khớp là -1; 0 và 1.

Kiểu khớp là 0: Trả về vị trí tương đối của giá trị trong trường hợp vùng dữ liệu chưa được sắp xếp.

Kiểu khớp là 1: Trả về vị trí của giá trị lớn nhất nhưng nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cần tìm. Giả sử vùng dữ liệu được sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

Kiểu khớp là -1: Trả về vị trí của giá trị nhỏ nhất nhưng lớn hơn hoặc bằng giá trị cần tìm. Giả sử vùng dữ liệu được sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

Ví dụ: Dưới đây là hồ sơ thi tuyển của các học sinh và bạn muốn tìm vị trí của học sinh Lâm Thiên Trang. Tại ô G3 ta thực hiện công thức: =MATCH(G1,A2:A9,0)

G3 fx =MATCH(G1,A2:A9,0)

	A	B	C	D	E	F	G
1	Họ và tên	Điểm thi	Mã dự thi	Nơi ở		Giá trị cần tìm	Lâm Thiên Trang
2	Nguyễn Văn A	10.0	149009	An Giang		Vùng cần tìm	cột Họ và tên
3	Lê Thành Chí	5.0	122156	Cà Mau		Kết quả	5
4	Lý Mỹ Tiên	8.0	104207	Bạc Liêu			
5	Cao Ngọc Châu	9.0	133723	Cần Thơ			
6	Lâm Thiên Trang	4.0	152280	TP.HCM			
7	Hồ Thị Mỹ Kiều	5.0	182851	Sóc Trăng			
8	Trần Bích Trâm	10.0	168546	Tây Ninh			
9	Huỳnh Bích Trâm	4.0	167135	Ninh Thuận			
10							

19- Hàm HLOOKUP

[Hàm HLOOKUP](#) là hàm tìm kiếm một giá trị trên dòng đầu tiên của bảng tham chiếu và cho kết quả tương ứng trong dòng chỉ định.

Cú pháp: =HLOOKUP(Lookup_value, Table_array, Row_index_Num, Range_lookup)

Lookup_value: giá trị đối chiếu với dòng đầu tiên của bảng tham chiếu để lấy được giá trị cần tìm.

Table_array: là địa chỉ tuyệt đối của bảng tham chiếu, không lấy cột tiêu đề.

Row_index_Num: Số thứ tự dòng chứa giá trị cần lấy của bảng tham chiếu (theo thứ tự từ trên xuống dưới và bắt đầu từ số 1).

Range_lookup: Cách tìm kiếm trên bảng tham chiếu.

"+ 0": Dòng đầu tiên của bảng tham chiếu chưa sắp xếp.

"+ 1": dòng đầu tiên của bảng tham chiếu đã sắp xếp theo chiều tăng dần (ngầm định).

Ví dụ: Ta cần xếp loại học sinh trong Bảng 1 (B3:D8) với dữ kiện ở Bảng 2 (B11:F12), tại D4 ta có: =HLOOKUP(C4,\$B\$11:\$F\$12,2,1). Hàm HLOOKUP sẽ dò tìm điểm số ở ô C4 trong Bảng 2 từ trái qua phải. Khi tìm thấy giá trị gần bằng, nó sẽ trả về kết quả xếp loại tương ứng nằm ở hàng 2.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1										
2		Bảng 1								
3		TÊN	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI						
4		An	5.6	Trung Bình						
5		Bảo	7.2	Khá						
6		Chi	8.1	Khá						
7		Đan	9.5	Giỏi						
8		Hà	6.9	Trung Bình						
9										
10		Bảng 2								
11		ĐIỂM TB	0	5	7	9				
12		XẾP LOẠI	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi				
13										
14										
15										
16										
17										
18										

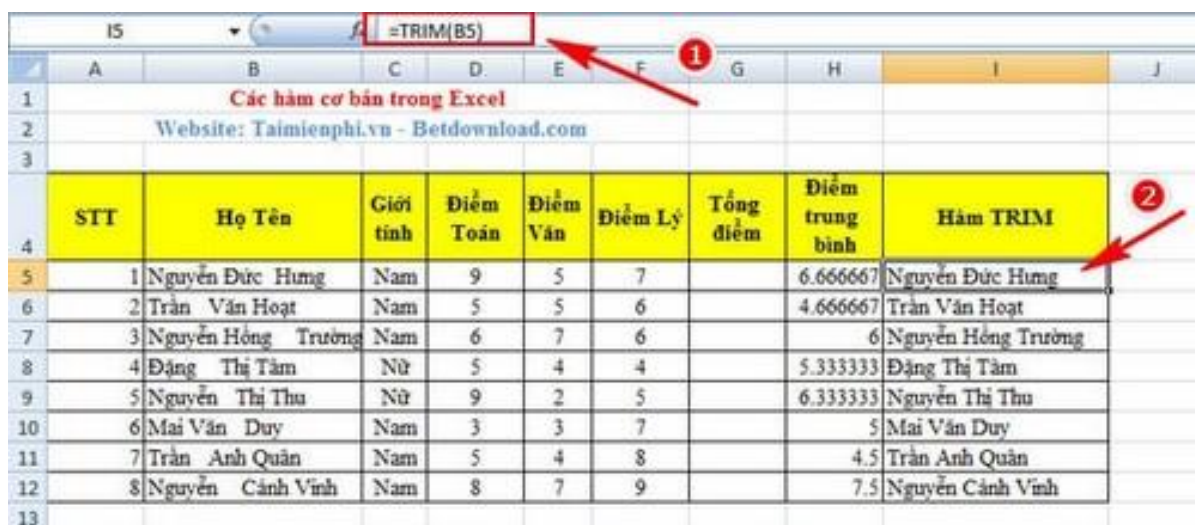
20. Hàm TRIM

Hàm TRIM là hàm loại bỏ khoảng trống giữa các ký tự trong chuỗi ký tự và chỉ để lại duy nhất một khoảng trống (bằng 1 dấu cách giữa các từ) mà thôi. Với nhiều ô chứa chuỗi ký tự có nhiều khoảng trống thì [hàm TRIM](#) thật sự là hữu ích

Cú pháp: =TRIM(text)

Trong đó: Text là đoạn văn bản chứa khoảng trắng cần loại bỏ là 1

Ví dụ: Trong cột Họ tên, hiện tại có rất nhiều khoảng trống, để loại bỏ các khoảng trống này, bạn dùng cú pháp =TRIM(B5). Kết quả sẽ được như hình dưới



STT	Họ Tên	Giới tính	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm Lý	Tổng điểm	Điểm trung bình	Hàm TRIM
1	Nguyễn Đức Hưng	Nam	9	5	7		6.666667	Nguyễn Đức Hưng
2	Trần Văn Hoạt	Nam	5	5	6		4.666667	Trần Văn Hoạt
3	Nguyễn Hồng Trường	Nam	6	7	6		6	Nguyễn Hồng Trường
4	Đặng Thị Tâm	Nữ	5	4	4		5.333333	Đặng Thị Tâm
5	Nguyễn Thị Thu	Nữ	9	2	5		6.333333	Nguyễn Thị Thu
6	Mai Văn Duy	Nam	3	3	7		5	Mai Văn Duy
7	Trần Anh Quân	Nam	5	4	8		4.5	Trần Anh Quân
8	Nguyễn Cảnh Vinh	Nam	8	7	9		7.5	Nguyễn Cảnh Vinh

21. Hàm CONCATENATE

Hàm CONCATENATE là hàm nối chuỗi ký tự trong bảng tính excel, sử dụng [hàm CONCATENATE](#), bạn sẽ không phải thủ công ghép các chuỗi từ lại với nhau.

Cú pháp: =CONCATENATE (text 1, text 2, ...)

Trong đó: Text 1: là chuỗi thứ 1 (đây là chuỗi bắt buộc)

Text 2: tùy chọn, tối đa 255 chuỗi, và các chuỗi phải được phân tách nhau bởi dấu phẩy

Ví dụ: Bạn muốn ghi chú xem sinh viên có tổng điểm bao nhiêu. Bạn dùng cú pháp =CONCATENATE(B5," có tổng điểm là ",G5). Sau đó xem kết quả, bạn dùng chuột trỏ vào I5 và kéo xuống dưới, các kết quả sẽ tự động được ghi ra



STT	Họ Tên	Giới tính	Điểm Toán	Điểm Văn	Điểm Lý	Tổng điểm	Điểm trung bình	Hàm CONCATENATE
1	Nguyễn Đức Hưng	Nam	9	5	7	21	6.666667	Nguyễn Đức Hưng có tổng điểm là 21
2	Trần Văn Hoạt	Nam	5	5	6	16	4.666667	
3	Nguyễn Hồng Trường	Nam	6	7	6	19	6	
4	Đặng Thị Tâm	Nữ	5	4	4	13	5.333333	
5	Nguyễn Thị Thu	Nữ	9	2	5	16	6.333333	
6	Mai Văn Duy	Nam	3	3	7	13	5	
7	Trần Anh Quân	Nam	5	4	8	17	4.5	
8	Nguyễn Cảnh Vinh	Nam	8	7	9	24	7.5	

Khi làm việc với Excel, bạn cần nắm rõ các hàm cơ bản trong Excel để có thể sử dụng Excel hiệu quả nhất và nhanh chóng. Các hàm Excel thường dùng trong văn phòng cơ bản như Sum, Min, Max ... hỗ trợ rất nhiều trong học tập, công việc của bạn.

Trên đây là một số những hàm cơ bản trong excel. Excel là phần mềm văn phòng hỗ trợ tính toán rất tiện dụng và phổ biến, các bạn có thể tham khảo thêm các [phím tắt Excel](#) thông dụng nhất để thao tác trên phần mềm được nhanh hơn.